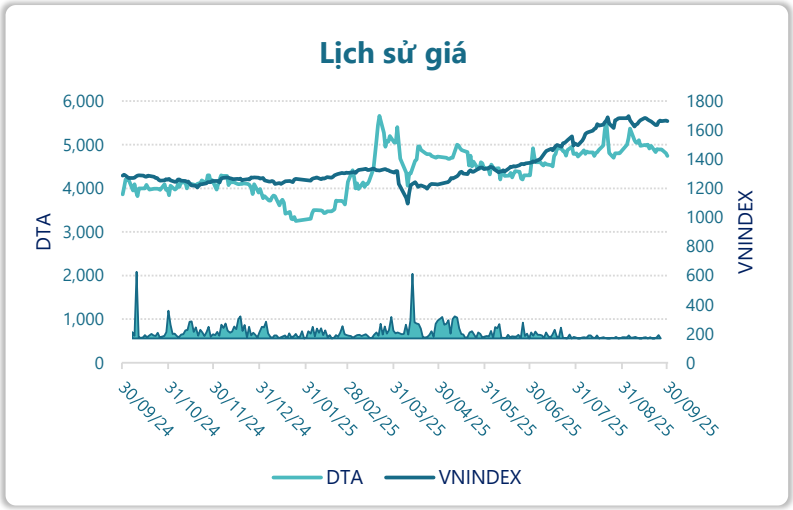
CTCP Đệ Tam (HSX: DTA)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,740**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,660
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,250
SL cổ phiếu LH	18,059,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	66,495
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
P/E	57.8
EPS	82

DT thuần

Q3/25

31.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.9| -32.3%

YoY: ▼15.8| -33.6%

LN sau thuế

Q3/25

0.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.59| 196%

YoY: ▲ 0.32| 55.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.4%

+/- YoY: ▲ 4.4%

DT thuần

9T 2025

107

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.0| -8.8%

LN sau thuế

9T 2025

1.28

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.30| -18.9%

ROE

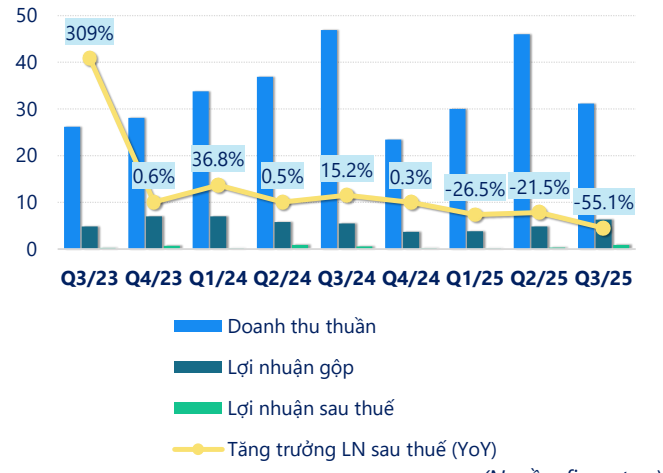
Q3/25

0.7%

+/- YoY: ▼ 0.4%

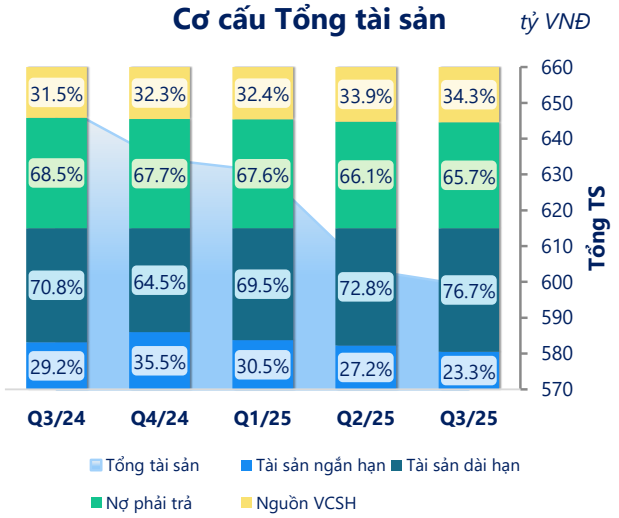
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



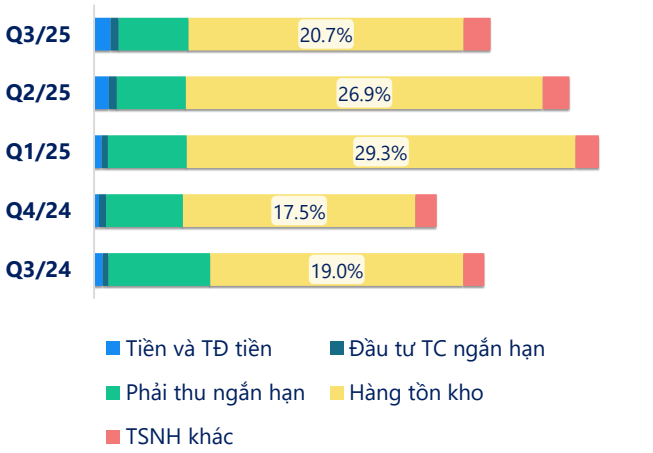
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



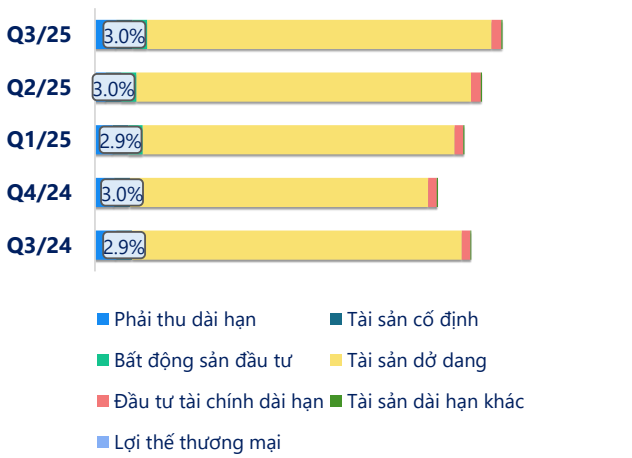
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



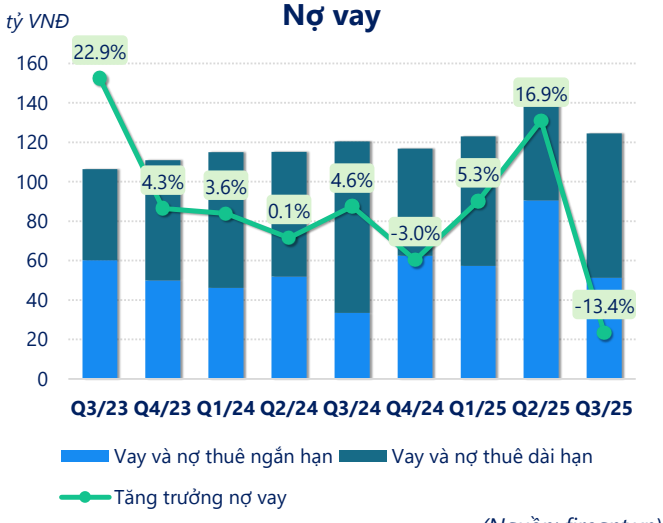
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



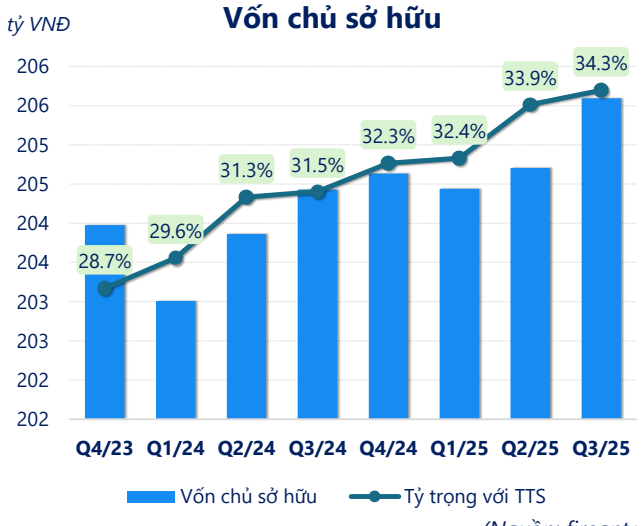
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



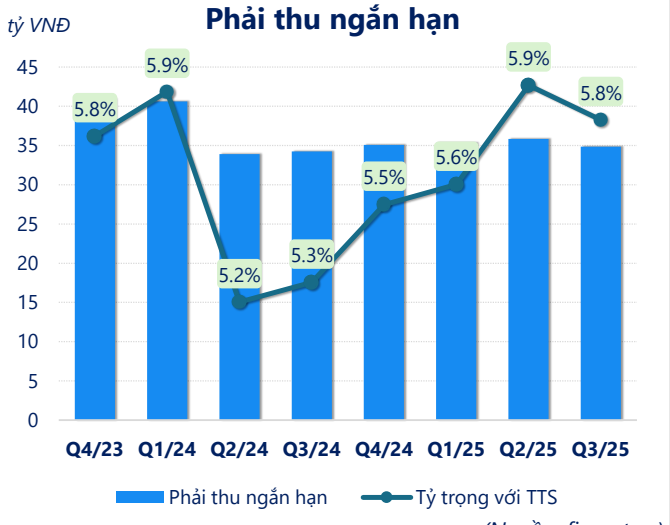
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



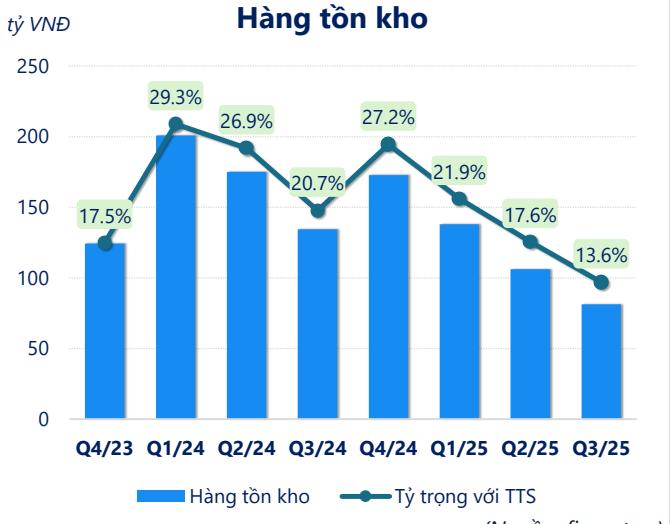
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



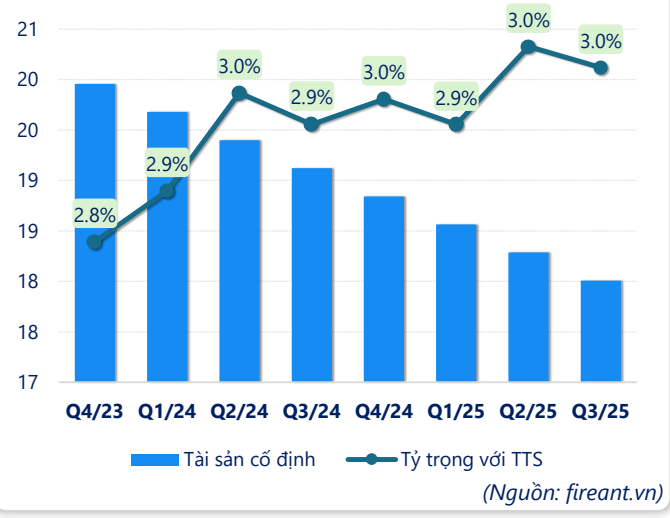
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



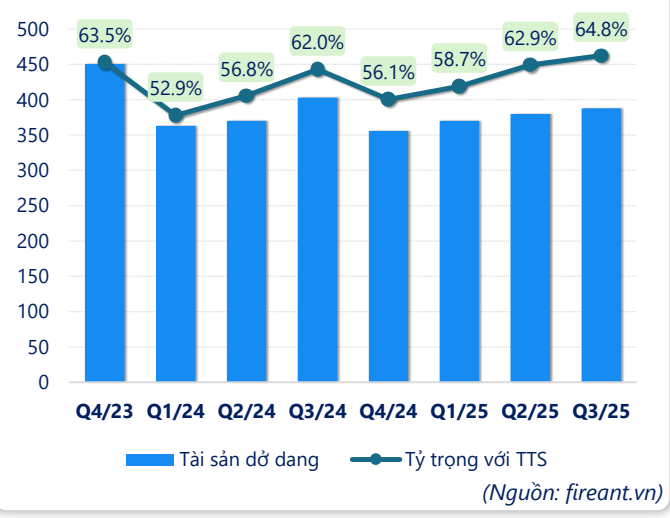
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



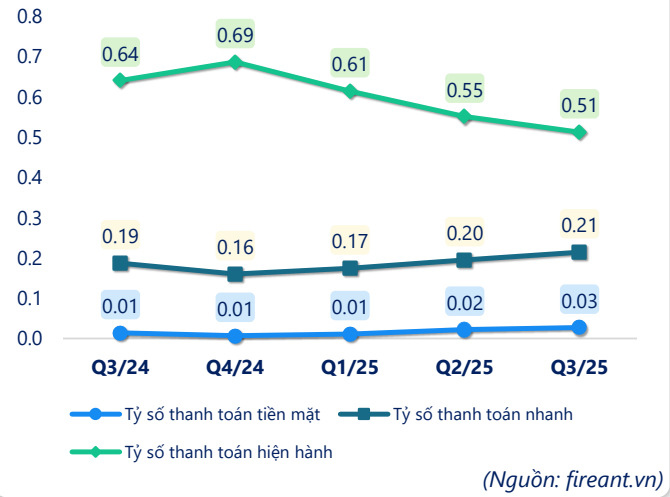
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



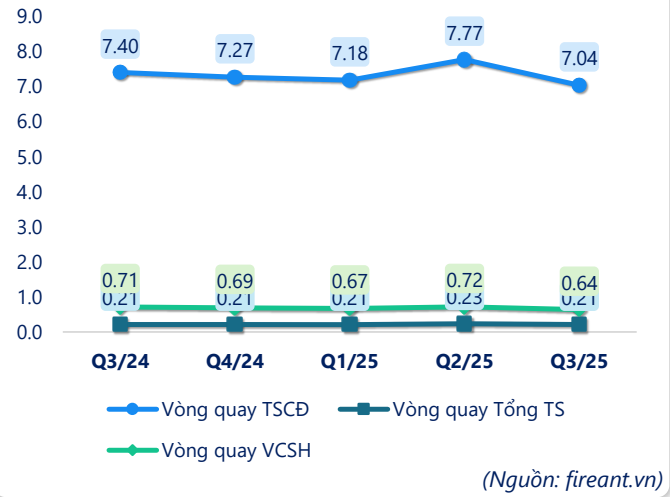
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**650**	**634**	**631**	**603**	**599**
Tài sản ngắn hạn	**190**	**225**	**193**	**164**	**140**
Tiền và tương đương tiền	4.07	2.29	3.53	6.64	7.41
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.93	3.93	3.93	3.34	3.34
Phải thu ngắn hạn	34.2	35.1	35.3	35.8	34.9
Hàng tồn kho	134	173	138	106	81.3
Tài sản ngắn hạn khác	13.2	11.2	11.9	12.3	12.9
Tài sản dài hạn	**460**	**409**	**438**	**439**	**459**
Phải thu dài hạn	26.1	22.9	21.1	12.0	24.1
Tài sản cố định	19.1	18.8	18.6	18.3	18.0
Bất động sản đầu tư	0	0	16.9	16.8	16.6
Tài sản dở dang	403	356	370	380	388
Đầu tư tài chính dài hạn	10.5	10.5	10.5	11.0	11.0
Tài sản dài hạn khác	1.27	1.30	1.34	1.35	1.45
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**445**	**430**	**427**	**399**	**393**
Nợ ngắn hạn	**296**	**328**	**313**	**298**	**273**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.5	62.5	57.4	90.6	51.4
Phải trả người bán ngắn hạn	27.0	30.7	33.4	36.7	37.7
Nợ dài hạn	149	102	113	101	121
Vay và nợ thuê dài hạn	86.9	54.3	65.6	53.2	73.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**204**	**205**	**204**	**205**	**206**
Vốn chủ sở hữu	**204**	**205**	**204**	**205**	**206**
Vốn điều lệ	181	181	181	181	181
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)